TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 157/2023/DS-PT
Ngày: 13/9/2023
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Thành Đăng**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi**

Ông **Phạm Trường Thọ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Cao Ngọc Quí** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà **Lữ Thị Tuyết Lan** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 9 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 156/2023/TLPT-DS ngày 17 tháng 8 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2023/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 187/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Võ Thị Kim S**, sinh năm 1945.

Địa chỉ: số D, khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Võ Thị Kim S: anh **Lê Phước T**, sinh năm 1977; địa chỉ: số D, khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Theo Giấy ủy quyền ngày 06/9/2023).

2. Bị đơn: Anh **Lê Minh C**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: số A, đường Đ, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông **Lê Văn T1**, sinh năm 1941.

Địa chỉ: số A, đường Đ, phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Anh **Lê Phước T**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: số D, khóm T, phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

4. Người tham gia tố tụng khác:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Phước T: ông **Trần Hoàng T2**, sinh năm 1979; thuộc Đoàn luật sư tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 10/10/2022 của bà Võ Thị Kim S và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Anh T là con trai của bà S và là bạn của anh C, khi anh C thông tin cần vốn đầu tư xưởng may gia công trên đất nhà của cha ruột Lê Văn T1. Ông T1 có bảo lãnh cho anh C nên vào tháng 4 năm 2018, bà S cho anh C vay số tiền 500.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, thời hạn 24 tháng, thanh toán tiền lãi hàng tháng. Bà S và anh C cùng ký hợp đồng vay ngày 07/4/2018 nhưng có hiệu lực vào ngày 09/4/2018. Số tiền vay này, bà S không giao một lần mà số tiền vay sẽ được anh T giao từng lần theo tiến độ hoạt động của xưởng may cho anh C. Hợp đồng vay không có thế chấp tài sản hay bất kỳ biện pháp bảo đảm nào.

Ngay sau khi ký hợp đồng vay ngày 07/4/2018, bà S đưa tiền mặt cho anh C nhận trước 100.000.000 đồng tại nhà bà S. Số tiền vay còn lại 400.000.000 đồng, bà S đưa cho anh T nhận đem gửi vào Ngân hàng để rút tiền ra giao cho anh C theo tiến độ hoạt động của xưởng may. Bà S nghe anh T nói lại cho biết, anh T có cùng anh C đến Ngân hàng rút tiền và anh T giao cho anh C số tiền 200.000.000 đồng. Tổng cộng trước sau, bà S và anh T đã giao cho anh C số tiền vay 300.000.000 đồng. Anh T còn giữ số tiền 200.000.000 đồng, dùng chi xuất mua máy móc và trả tiền nhân công cho thợ trong thời gian làm chung xưởng may với anh C. Như vậy anh C đã nhận đủ tiền vay 500.000.000 đồng, kể từ khi ký hợp đồng vay cho đến nay, phía anh C không có trả tiền lãi, không có trả tiền vốn vay.

Sau khi anh C ký hợp đồng vay được một thời gian, ông T1 có đến xưởng may. Bà S có gặp và đôi bên nói chuyện qua lại thì ông T1 có nói bảo lãnh cho anh C vay tiền làm ăn. Thực tế, ông T1 không có ký tên trong hợp đồng vay, không có lập giấy tờ để bảo lãnh cho anh C vay tiền. Bà S chỉ mong muốn ông T1 là người trong gia đình, giúp anh C trả nợ. Theo đơn khởi kiện, bà S yêu cầu anh C và ông T1 cùng liên đới trả số tiền vay và lãi tổng cộng 765.000.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc

500.000.000 đồng, nợ lãi 265.000.000 đồng). Nay bà S xin rút khởi kiện đối với ông T1, vì ông T1 không có vay tiền hay bảo lãnh gì cho anh C. Bà S yêu cầu anh C phải trả số tiền vốn vay 500.000.000 đồng, tính lãi trong hạn theo mức lãi suất 1%/tháng, tính lãi suất chậm trả và phải chịu tiền lãi tiếp theo cho đến khi anh C trả hết nợ.

Bị đơn Lê Minh C trình bày: Anh T và anh C là bạn học cũ với nhau nên khoảng đầu năm 2018, qua trò chuyện được biết anh C có mối nguồn hàng may gia công xuất khẩu có triển vọng sinh lời nhiều. Sau khi tìm hiểu, anh T đặt vấn đề làm ăn chung, anh C có trình bày không có tiền hùn hạp nên anh T ngõ ý cho mượn nhưng giải ngân theo tiến độ đầu tư, dự kiến phần hùn là 500.000.000 đồng. Để đảm bảo tính hợp lý vừa hùn hạp vừa cho mượn, anh T yêu cầu phải làm hợp đồng vay với mẹ anh T là bà Võ Thị Kim S.

Ngày 07/4/2018, anh C và bà S ký kết hợp đồng vay số tiền 500.000.000 đồng, mục đích để phục vụ cho hoạt động xưởng may, lãi suất 1%/tháng, trả lãi hàng tháng, thời hạn vay 24 tháng. Hợp đồng này chỉ hai bên ký với nhau, không có công chứng hợp đồng. Anh C không có nhận tiền mặt số tiền vay này, dự kiến ngày 09/4/2018 sẽ bắt đầu giải ngân theo tiến độ hoạt động của nhà xưởng. Nhưng đến ngày giải ngân, anh T hẹn chậm lại với lý do là tiền gửi chưa đến kỳ hạn, rút sớm sẽ bị mất tiền lãi. Anh T nói mọi thứ tiếp tục tiến hành, anh T sẽ ứng phần hùn của anh T trước để hoạt động. Anh T thuê thợ và mua vật tư sửa chữa nhà xưởng, chi phí ước tính 120.000.000 đồng; mua 22 máy cũ thương hiệu Trung Quốc ước tính 140.000.000 đồng, anh C không biết số liệu chính xác, do anh T quản lý và làm kế toán. Trong quá trình chuẩn bị cho sản xuất, anh C thấy tiến độ chậm do trả tiền công thợ và mua vật tư cầm chừng nên có bất đồng. Anh C yêu cầu anh T giải ngân để hoạt động nhà xưởng, đến ngày 07/5/2018 anh T chuyển cho anh C số tiền 200.000.000 đồng và đưa chứng từ chuyển tiền cho anh C. Đến tháng 10 năm 2018, anh C yêu cầu anh T tiếp tục giải ngân 80.000.000 đồng để trả nợ lương cho công nhân và gia công ngoài nhưng anh T không chấp nhận và yêu cầu anh C phải tự lo nên anh C phải mượn tiền của người thân và kết thúc hoạt động nhà xưởng khoảng cuối năm 2018. Sau đó, biết anh C làm ăn thua lỗ và không còn khả năng trả nợ nên anh T và bà S hứa không tính tiền lãi. Ngày 27/10/2019, anh C đến gặp bà S để bàn phương án trả nợ nhưng bà S không chấp nhận, yêu cầu anh C đến hạn thì phải trả tiền. Đến hạn trả tiền, bà S yêu cầu anh C phải trả tiền 500.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh, anh T không muốn gánh phần lỗ của nhà xưởng. Anh C không đồng ý, vì chỉ thực nhận có 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Anh C xác nhận các vấn đề sau: Tờ hợp đồng vay ngày 07/4/2018 do anh C cung cấp cho Tòa án và bản tờ hợp đồng vay ngày 07/4/2018 do bà S cung cấp cho Tòa là giống nhau về hình thức và nội dung. Chữ ký tên và chữ viết họ và tên trong biên nhận là do anh C ký tên và viết chữ họ và tên. Hợp đồng vay này không có thế chấp tài sản hay bất kỳ biện pháp bảo đảm nào. Hợp đồng vay ngày 07/4/2018, số tiền vay 500.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, thời hạn 24 tháng, trả lãi hàng tháng, có hiệu lực giải ngân vào ngày 09/4/2018.

+ Anh C không có nhận số tiền 500.000.000 đồng, kể từ khi ký hợp đồng vay cho đến nay. Anh C hoàn toàn không có nhận tiền vay từ bà S, chỉ nhận tiền vay từ anh T giao 01 lần số tiền 200.000.000 đồng vào ngày 07/5/2018, bằng hình thức anh T chuyển khoản cho anh C. Số tiền anh T chi xuất mua máy may tại xưởng may là phần tiền hùn với anh C làm xưởng may.

+ Về tiền lãi, anh C đã đóng 05 tháng tiền lãi bằng 10.000.000 đồng, chuyển khoản cho anh T ngày 24/10/2018.

+ Đồng ý việc bà S rút khởi kiện đối với ông T1. Vì ông T1 không có quen biết gì bà S và cũng không có thỏa thuận vay tiền và bảo lãnh gì với bà S.

Đại diện ủy quyền của người liên quan, ông T3 trình bày: Ông T1 biết đồng ý việc bà S rút khởi kiện đối với ông T1. Vì ông T1 không có quen gì bà S và cũng không có thỏa thuận vay tiền và bảo lãnh gì với bà S và anh C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Phước T trình bày: Anh T xác định bà S đưa cho anh C 100.000.000 đồng, anh T chuyển khoản cho anh C 200.000.000 đồng. Số tiền còn lại 200.000.000 đồng anh T giữ lại dùng chi phí cho các khoản đầu tư mở xưởng may. Anh T làm công ăn lương, không có hùn vốn kinh doanh xưởng may với anh C. Anh C có vay số tiền 500.000.000 đồng của bà S, được giao tiền theo tiến độ hoạt động của xưởng may, không có thế chấp tài sản hay bất kỳ biện pháp bảo đảm nào. Việc giao tiền theo tiến độ hoạt động xưởng may, cụ thể như sau:

Tại nhà bà S, khi anh C ký biên nhận vay tiền ngày 07/4/2018 thì bà S trực tiếp đưa cho anh C nhận 100.000.000 đồng để khởi công xưởng may. Vì số tiền này là trong số tiền 500.000.000 đồng mà anh C đã ký hợp đồng vay ngày 07/4/2018 nên không phải làm giấy tờ nhận tiền. Đến ngày 09/4/2018, khởi công sửa nhà trọ thành nhà xưởng may, anh C dùng số tiền này mua vật tư, trả tiền công thợ.

Anh T và anh C có thỏa thuận phân công công việc với nhau để thành lập xưởng may nên anh T và bà S đi Ngân hàng rút số tiền còn lại 400.000.000 đồng. Trong đó, anh T chuyển vào tài khoản cho anh C số tiền 200.000.000 đồng. Số tiền

còn lại 200.000.000 đồng được chuyển vào tài khoản của anh T và đã chi phí cho xưởng may các khoản như: Nhập máy Kansai, máy may, máy vắt sổ, băng ghế bằng tổng số tiền 151.200.000 đồng; chi phí hợp lí hàng ngày trong xưởng may là 48.800.000 đồng, có ghi chép nhật ký và cuối tuần anh C kiểm tra và ký tên. Sau hơn hai tháng làm việc có ghi chép các khoản chi phí cho xưởng may, khi anh T nghỉ việc đã bàn giao sổ sách này cho anh C quản lý lưu giữ. Như vậy, tổng số tiền 400.000.000 đồng của bà S đã được giao hết cho anh C đầu tư vào xưởng may.

Theo yêu cầu của bà S, anh C chỉ đồng ý trả cho bà S số tiền vay 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) của hợp đồng vay ngày 07/4/2018, đã nhận tiền từ anh T giao cho. Đồng ý trả tiền lãi 1%/tháng trong thời hạn vay 24 tháng và trả tiền lãi chậm thanh toán và trong thời hạn thi hành án đến khi trả hết tiền bà S.

Anh T không có hùn vốn xưởng may với anh C mà chỉ làm công ăn lương 5.000.000 đồng/tháng. Sau khi chi đủ số tiền 400.000.000 đồng, xưởng may hoạt động tương đối ổn định thì anh C cho anh T nghỉ việc. Khi xưởng may ngưng hoạt động, anh C bán hết máy móc, anh T không hay biết. Về tiền lãi, anh C chuyển khoản 10.000.000 đồng vào ngày 24/10/2018 là hoàn toàn không có, đây là tiền anh C trả tiền lương cho anh T.

Tháng 10 năm 2018, anh C yêu cầu anh T giải ngân số tiền 80.000.000 đồng là không đúng. Số tiền này, anh C nhờ anh T mượn thêm của bà S 80.000.000 đồng nhưng anh T không có hỏi. Theo anh T biết, từ lúc xưởng may hoạt động cho đến khi ngừng hoạt động thì chi phí chưa tới 500.000.000 đồng, xưởng may hoạt động chưa hết tháng 8 là đã ngưng hoạt động rồi thì làm sao tháng 10 có công nhân mà trả lương nên anh T không có nói với bà S cho mượn tiền tiếp. Nay anh T đồng ý với yêu cầu của bà S, yêu cầu anh C phải trả cho bà S số tiền vốn vay 500.000.000 đồng và tính lãi trong hạn theo lãi suất 1%/tháng và tính lãi suất chậm trả và phải chịu tiền lãi tiếp theo cho đến khi anh C trả hết nợ.

Tại bản án số: 75/2023/DS-ST ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Áp dụng:

Căn cứ Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 68, Điều 78, Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn Cứ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 của nước Cộng hòa xã hội chủ

nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Kim S.

Buộc anh Lê Minh C phải có nghĩa vụ thanh toán tiền vay của biên nhận ngày 07/4/2018, bao gồm tiền vốn vay 200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 48.066.000 đồng, tiền lãi chậm trả 116.975.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 355.041.000 đồng (Ba trăm năm mươi lăm triệu không trăm bốn mươi mốt ngàn đồng) cho bà Võ Thị Kim S.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- Dành cho anh T và anh C được quyền khởi kiện vụ việc dân sự khác đối với hợp đồng hùn vốn xưởng may khi có tranh chấp và yêu cầu.

- Dành cho bà S, được quyền khởi kiện vụ việc dân sự khác đối với anh T về số tiền vốn vay 200.000.000 đồng và tiền lãi 10.000.000 đồng anh T đã nhận.

- Đình chỉ giải quyết đối với việc bà S rút khởi kiện ông T1 liên đới về hợp đồng vay tiền ngày 07/4/2018.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bà S được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo thông báo số: 755/TB-TA, ngày 02/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Anh C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 17.752.000 đồng.

- Anh T và ông T1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, nguyên đơn bà Võ Thị Kim S có đơn kháng cáo với nội dung:

- Bà Võ Thị Kim S yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm.
- Xác minh lại toàn bộ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S về việc yêu cầu anh Lê Minh C trả cho bà S số tiền 500.000.000 đồng và tiền lại 1%/tháng, tính lãi suất chậm trả và tiền lãi tiếp theo đến khi anh C trả hết nợ.

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Phước T có đơn kháng cáo với nội dung:

- Anh Lê Phước T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm.

- Xác minh lại toàn bộ chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà S cũng như không chấp nhận một vụ kiện dân sự khác giữa anh T và anh Lê Minh C vì không có chứng cứ chứng minh mối quan hệ hùn vốn làm ăn, toàn bộ đều là tiền anh C mượn và dùng để đầu tư vào xưởng may của anh C.

Tại phiên tòa hôm nay:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Thay đổi yêu cầu kháng cáo, chỉ yêu cầu anh C trả số tiền cấp sơ thẩm xử và trả thêm số tiền gốc còn lại là 180.000.000 đồng, không tính lãi trên số tiền 180.000.000 đồng.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Lê Phước T và anh T trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T và bà S.

Bị đơn anh Lê Minh C trình bày: Không đồng ý theo yêu cầu của anh T và bà S, thống nhất nội dung bản án sơ thẩm đã xử.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: Phân tích nội dung, chứng cứ và đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Kim S và anh Lê Phước T. Đình chỉ phần bà S rút yêu cầu 100.000.000 đồng và chấp nhận yêu cầu của bà S buộc anh C trả cho bà S số tiền cả vốn và lãi là 535.041.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH VỤ ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Võ Thị Kim S, anh Lê Phước T còn trong thời hạn luật định theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn trình bày vào ngày 07/4/2018, bà và anh C có làm hợp đồng vay bằng giấy tay, nội dung anh C vay 500.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng, thời hạn vay 24 tháng, ký hợp đồng ngày 07/4/2018 nhưng có hiệu lực ngày 09/4/2018. Số tiền vay bà S không giao một lần mà do anh T (con bà S) giao từng lần theo tiến độ hoạt động của xưởng may của anh C, sau khi ký hợp đồng bà S đưa cho anh C 100.000.000 đồng còn lại 400.000.000 đồng, bà S đưa cho anh T đưa cho anh C, anh C cho rằng anh C có nhận của anh T 200.000.000 đồng, số còn lại anh

không có nhận và cũng không có nhận của bà S 100.000.000 đồng, anh T có chuyển khoản cho anh C 200.000.000 đồng, còn lại 200.000.000 đồng anh mua vật tư đầu tư vào xưởng may của anh C.

[3] Xét số tiền vay 200.000.000 đồng ngày 07/5/2018 anh T chuyển khoản cho anh C nhận, hai bên thống nhất số tiền này, riêng đối với số tiền 100.000.000 đồng bà S đưa cho anh C và số tiền anh T mua tài sản cho anh C 200.000.000 đồng, anh C không thừa nhận. Tuy nhiên, tại tờ trường trình ngày 24/11/2022 anh C thừa nhận "anh T đã gọi thợ và mua vật tư bắt đầu sửa chửa cải tạo nhà xưởng do tôi thuê của người thân, chi phí anh T ước tính khoảng 120.000.000 đồng cho cải tạo nhà xưởng. Sau đó anh T đặt mua 22 máy cũ thương hiệu Trung Quốc, chi phí ước tính khoảng 140.000.000 đồng (Số liệu chính xác tôi không nhớ) do anh T tham gia quản lý đồng thời làm luôn công việc kế toán". Tại phiên tòa phúc thẩm, anh C thừa nhận anh T có mua vật tư sửa chửa xưởng và mua máy móc thiết bị để phục vụ cho xưởng may nhưng số tiền không biết do anh T là người quản lý, ghi chép sổ sách hoạt động của xưởng may, anh T cũng không có tên trong giấy phép kinh doanh mà do anh C đứng tên, số tiền đầu tư sửa chửa xưởng may khoảng 50.000.000 đồng, tiền mua máy móc thiết bị khoảng 90.000.000 đồng, anh C cho rằng anh T hùn vốn vào nhà xưởng nhưng anh T không thừa nhận mà trình bày rằng số tiền mua trang thiết bị máy móc và số tiền sửa chửa nhà xưởng là số tiền bà S cho anh C vay để anh C đầu tư cho xưởng may, ngoài lời trình bày thì anh C không có chứng cứ chứng minh anh T hùn vốn với anh C, nên số tiền bà S cho anh C và anh T xuất ra mua tài sản cho anh C là phù hợp với thực tế, anh T cũng thừa nhận số tiền này đầu tư vào xưởng may của anh C, đồng thời sau khi xưởng may ngừng hoạt động thì anh C tự thanh lý máy móc và nhận tiền, anh T không có nhận tiền.

[4] Xét yêu cầu của anh T xin rút yêu cầu số tiền bà S đưa cho anh C 100.000.000 đồng, do không có chứng cứ nên chấp nhận phần này. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh T yêu cầu anh C trả các khoản đầu tư vào xưởng may, sau khi trừ 10.000.000 đồng anh C đưa cho anh T thì còn lại 180.000.000 đồng và không tính lãi là có lợi cho anh C, nên chấp nhận yêu cầu của anh T.

Như nhận định trên, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà S, anh T, sửa một phần bản án sơ thẩm và chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên.

Do sửa án sơ thẩm nên điều chỉnh án phí dân sự sơ thẩm. Anh T phải nộp trên số tiền cấp sơ thẩm buộc trả vốn (200.000.000 đồng) + lãi trong hạn (48.066.000 đồng) + lãi chậm trả (116.975.000 đồng) + vốn (180.000.000 đồng) = 545.041.000 đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm anh Lê Minh C phải nộp là 25.801.000 đồng (Hai mươi lăm triệu tám trăm lẻ một ngàn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải nộp, số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm sẽ hoàn trả lại cho các đương sự. Cụ thể, hoàn trả cho anh Lê Phước T tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0002273 ngày 26/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 299 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 68, Điều 78, Điều 147, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn Cứ Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Kim S, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Phước T, sửa một phần bản án sơ thẩm.

2. Đình chỉ xét xử phần yêu cầu của bà Võ Thị Kim S, anh Lê Phước T với anh Lê Minh C đối với số tiền vay 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

3. Buộc anh Lê Minh C trả cho bà Võ Thị Kim S số tiền vốn (200.000.000 đồng) + lãi trong hạn (48.066.000 đồng) + lãi chậm trả (116.975.000 đồng) + vốn (180.000.000 đồng). Tổng cộng vốn và lãi là: 545.041.000 đồng (Năm trăm bốn mươi lăm triệu không trăm bốn mươi mốt ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Án phí dân sự sơ thẩm ông Lê Minh C nộp 25.801.000 đồng (Hai mươi lăm triệu tám trăm lẻ một ngàn đồng).

Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải nộp. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm hoàn trả lại. Cụ thể, hoàn trả cho anh Lê Phước T tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0002273 ngày 26/7/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V.

Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, được quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao 01;
- VKSND Cấp cao 01;
- VKSNDTVL 01;
- Chánh án 01;
- TAND TPVL 01;
- THADS TPVL 01;
- Các ĐS 03;
- VP 01;
- Lưu hồ sơ vụ án 01.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Đăng